

Số: 2389 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 03 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 38 lô đất ở tại Khu tái định cư phục vụ tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh thuộc phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 41 lô đất ở tại Khu tái định cư phục vụ tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh thuộc phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn (đợt 2, năm 2023);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 302/TTr-STC ngày 28/6/2023 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh ngày 22/6/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh đơn giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 38 lô đất ở tại Khu tái định cư phục vụ tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh thuộc phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn; chi tiết như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất đối với 38 lô đất ở nêu trên theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, TN&MT;
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K16

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục
ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA 38 LÔ ĐẤT Ở TẠI KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN TUYỂN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639) ĐOẠN
TỪ CẦU LẠI GIANG ĐẾN CẦU THIÊN CHÁNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 (đồng/m2)	Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường được phê duyệt điều chỉnh (đồng/m2)	Tỷ lệ (%) tăng (+); giảm (-)	Ghi chú
I	Khu OLK2	13	1.461,50						
1	OLK2-4	1	110,00	Đường ĐS1	14	13.500.000	12.825.000	-5%	
2	OLK2-5	1	110,00	Đường ĐS1	14	13.500.000	12.825.000	-5%	
3	OLK2-6	1	110,00	Đường ĐS1	14	13.500.000	12.825.000	-5%	
4	OLK2-7	1	110,00	Đường ĐS1	14	13.500.000	12.825.000	-5%	
5	OLK2-8	1	110,00	Đường ĐS1	14	13.500.000	12.825.000	-5%	
6	OLK2-9	1	110,00	Đường ĐS1	14	13.500.000	12.825.000	-5%	
7	OLK2-10	1	110,00	Đường ĐS1	14	13.500.000	12.825.000	-5%	
8	OLK2-11	1	110,00	Đường ĐS1	14	13.500.000	12.825.000	-5%	
9	OLK2-12	1	110,00	Đường ĐS1	14	13.500.000	12.825.000	-5%	
10	OLK2-13	1	110,00	Đường ĐS1	14	13.500.000	12.825.000	-5%	
11	OLK2-14	1	110,00	Đường ĐS1	14	13.500.000	12.825.000	-5%	
12	OLK2-15	1	110,00	Đường ĐS1	14	13.500.000	12.825.000	-5%	
13	OLK2-16	1	141,50	Đường ĐS1 Đường ĐS5	14 14	16.200.000	15.390.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
II	KHU OLK3	10	1.100,00						

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1280/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 (đồng/m2)	Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường được phê duyệt điều chỉnh (đồng/m2)	Tỷ lệ (%) tăng (+); giảm (-)	Ghi chú
1	OLK3-1	1	110,00	Đường ĐS2 Đường nội bộ	14 5	12.870.000	12.227.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,1)
2	OLK3-4	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
3	OLK3-5	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
4	OLK3-6	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
5	OLK3-7	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
6	OLK3-8	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
7	OLK3-9	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
8	OLK3-10	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
9	OLK3-11	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
10	OLK3-12	1	110,00	Đường ĐS2 Đường nội bộ	14 5	12.870.000	12.227.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,1)
III	KHU OLK4	15	1.754,00						
1	OLK4-1	1	214,00	Đường ĐS1 Đường ĐS2	14 14	16.200.000	15.390.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,2)
2	OLK4-2	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
3	OLK4-3	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
4	OLK4-4	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
5	OLK4-5	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
6	OLK4-6	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	

STT	Ký hiệu lô đất	Số lô	Diện tích (m2)	Tên đường	Lộ giới (m)	Đơn giá đất ở khởi điểm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1280/QĐ- UBND ngày 20/4/2023 (đồng/m2)	Đơn giá đất ở khởi điểm theo giá thị trường được phê duyệt điều chỉnh (đồng/m2)	Tỷ lệ (%) tăng (+); giảm (-)	Ghi chú
7	OLK4-7	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
8	OLK4-8	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
9	OLK4-9	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
10	OLK4-10	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
11	OLK4-11	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
12	OLK4-12	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
13	OLK4-13	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
14	OLK4-14	1	110,00	Đường ĐS2	14	11.700.000	11.115.000	-5%	
15	OLK4-15	1	110,00	Đường ĐS2 Đường nội bộ	14 5	12.870.000	12.227.000	-5%	Lô góc (đã nhân hệ số 1,1)
	Tổng cộng	38	4.315,50						